



# Đèn TL5 dễ sử dụng

## TL5 Essential HE Super 80

Đèn Philips TL5 Essential Super80 là loại đèn huỳnh quang mới mang đến cho các hộ gia đình và người dùng chuyên nghiệp một giải pháp chiếu sáng tinh gọn mỹ mãn, với độ tin cậy cao ở mức giá thấp.

### Lợi ích

- Kích thước ống nhỏ hơn 40% so với đèn huỳnh quang T8. Giảm chi phí chiếu sáng, lưu trữ và vận chuyển
- Ống mỏng 16 mm cho phép thiết kế bộ đèn nhỏ gọn và linh hoạt hơn
- Cho quang thông tối đa ở nhiệt độ môi trường 35°C, phù hợp với chiếu sáng chức năng đơn thuần
- Tạo không gian làm việc và sinh hoạt thoải mái với chỉ số hoàn màu lớn hơn 80
- Mang đến giải pháp chiếu sáng chất lượng cao và đáng tin cậy mà không tốn kém
- Có thể thay đổi không khí bằng ánh sáng từ trắng ấm đến trắng mát

### Tính năng

- Đường kính nhỏ chỉ 16mm
- Công nghệ “Phòng lạnh” (“Cold Chamber”)
- Được sử dụng với chấn lưu điện tử chỉ dành cho dòng TL5
- Hoạt động ở nhiệt độ từ 5°C đến 50°C

### Ứng dụng

- Thích hợp để sử dụng cho các địa điểm cần đèn tiết kiệm năng lượng, hiệu suất cao, nhỏ gọn. Bao gồm văn phòng, cửa hiệu, siêu thị, trường học, bệnh viện và chiếu sáng công nghiệp.

### Cảnh báo và An toàn

- Tuổi thọ 20.000 giờ (khi đèn còn duy trì 50% công năng với chu kỳ chiếu sáng 3 giờ) với chấn lưu làm nóng trước tuân thủ ENEC. Công năng suốt thời gian sử dụng có thể khác nếu sử dụng chấn lưu không tuân thủ ENEC.

# TL5 Essential HE Super 80

## Phiên bản



28 W G5 Cool white Linear  
fluorescent tube - RFT



14 W G5 Warm white Linear  
fluorescent tube - RFT



14 W G5 Cool daylight Linear  
fluorescent tube - RFT



28 W G5 Warm white Linear  
fluorescent tube - RFT

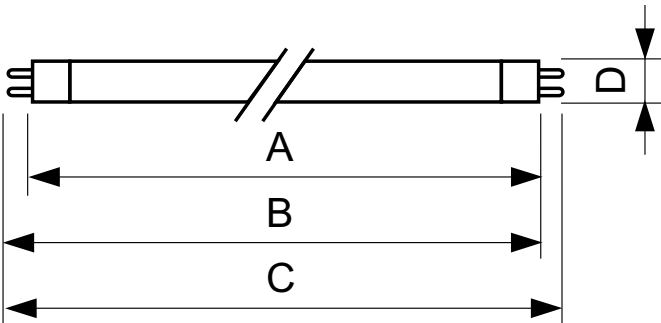


28 W G5 Cool daylight Linear  
fluorescent tube - RFT



14 W G5 Cool white Linear  
fluorescent tube - RFT

## Bản vẽ kích thước



| Product                                       | D (max) | A (max)    | B (max)    | B (min)    | C (max)    |
|-----------------------------------------------|---------|------------|------------|------------|------------|
| 14 W G5 Cool daylight Linear fluorescent tube | 17,0 mm | 549,0 mm   | 556,1 mm   | 553,7 mm   | 563,2 mm   |
| 14 W G5 Cool white Linear fluorescent tube    | 17,0 mm | 549,0 mm   | 556,1 mm   | 553,7 mm   | 563,2 mm   |
| 14 W G5 Warm white Linear fluorescent tube    | 17,0 mm | 549,0 mm   | 556,1 mm   | 553,7 mm   | 563,2 mm   |
| 28 W G5 Cool daylight Linear fluorescent tube | 17,0 mm | 1.149,0 mm | 1.156,1 mm | 1.153,7 mm | 1.163,2 mm |
| 28 W G5 Cool white Linear fluorescent tube    | 17,0 mm | 1.149,0 mm | 1.156,1 mm | 1.153,7 mm | 1.163,2 mm |
| 28 W G5 Warm white Linear fluorescent tube    | 17,0 mm | 1.149,0 mm | 1.156,1 mm | 1.153,7 mm | 1.163,2 mm |

## Chi tiết sản phẩm



14 W G5 Cool white Linear  
fluorescent tube - D1\_

# TL5 Essential HE Super 80

| Thông tin chung                      |          |
|--------------------------------------|----------|
| Đế dui đèn                           | G5       |
| Tuổi thọ danh định                   | 15.000 h |
| Thông tin kỹ thuật về đèn            |          |
| Chỉ số hoàn màu (CRI)                | 82       |
| Vận hành và điện                     |          |
| Dòng điện bóng đèn (Danh định)       | 0,170 A  |
| Điều khiển và điều chỉnh độ sáng     |          |
| Có thể điều chỉnh độ sáng            | Không    |
| Cơ khí và vỏ đèn                     |          |
| Hình dạng bóng đèn                   | T5       |
| Phê duyệt và ứng dụng                |          |
| Hàm lượng thủy ngân (Hg) (Danh định) | 2,0 mg   |

## Thông tin kỹ thuật về đèn

| Order Code   | Full Product Name                          | Ký hiệu màu sắc | Nhiệt độ màu tương quan | Quang hiệu             | Quang thông |
|--------------|--------------------------------------------|-----------------|-------------------------|------------------------|-------------|
|              |                                            |                 | (Danh định)             | (định mức) (Danh định) |             |
| 927926784058 | 28 W G5 Cool white Linear fluorescent tube | Trắng mát (CW)  | 4000 K                  | 94 lm/W                | 2.900 lm    |
| 927926783058 | 28 W G5 Warm white Linear fluorescent tube | Trắng ấm (WW)   | 3000 K                  | 94 lm/W                | 2.900 lm    |
| 927925983058 | 14 W G5 Warm white Linear fluorescent tube | Trắng ấm (WW)   | 3000 K                  | 88 lm/W                | 1.350 lm    |

| Order Code   | Full Product Name                             | Ký hiệu màu sắc       | Nhiệt độ màu tương quan | Quang hiệu             | Quang thông |
|--------------|-----------------------------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|-------------|
|              |                                               |                       | (Danh định)             | (định mức) (Danh định) |             |
| 927926786558 | 28 W G5 Cool daylight Linear fluorescent tube | Ánh sáng ban ngày mát | 6500 K                  | 94 lm/W                | 2.700 lm    |
| 927925986558 | 14 W G5 Cool daylight Linear fluorescent tube | Ánh sáng ban ngày mát | 6500 K                  | 84 lm/W                | 1.260 lm    |
| 927925984058 | 14 W G5 Cool white Linear fluorescent tube    | Trắng mát (CW)        | 4000 K                  | 88 lm/W                | 1.350 lm    |

## Vận hành và điện

| Order Code   | Full Product Name                          | Mức tiêu thụ điện |
|--------------|--------------------------------------------|-------------------|
| 927926784058 | 28 W G5 Cool white Linear fluorescent tube | 28 W              |
| 927926783058 | 28 W G5 Warm white Linear fluorescent tube | 28 W              |
| 927925983058 | 14 W G5 Warm white Linear fluorescent tube | 14 W              |

| Order Code   | Full Product Name                             | Mức tiêu thụ điện |
|--------------|-----------------------------------------------|-------------------|
| 927926786558 | 28 W G5 Cool daylight Linear fluorescent tube | 28 W              |
| 927925986558 | 14 W G5 Cool daylight Linear fluorescent tube | 14 W              |
| 927925984058 | 14 W G5 Cool white Linear fluorescent tube    | 14 W              |

## Phê duyệt và ứng dụng

| Order Code   | Full Product Name                          | Mức tiêu thụ năng lượng kWh/1000 h |
|--------------|--------------------------------------------|------------------------------------|
| 927926784058 | 28 W G5 Cool white Linear fluorescent tube | 31 kWh                             |
| 927926783058 | 28 W G5 Warm white Linear fluorescent tube | 31 kWh                             |
| 927925983058 | 14 W G5 Warm white Linear fluorescent tube | -                                  |

| Order Code   | Full Product Name                             | Mức tiêu thụ năng lượng kWh/1000 h |
|--------------|-----------------------------------------------|------------------------------------|
| 927926786558 | 28 W G5 Cool daylight Linear fluorescent tube | 31 kWh                             |
| 927925986558 | 14 W G5 Cool daylight Linear fluorescent tube | 15 kWh                             |
| 927925984058 | 14 W G5 Cool white Linear fluorescent tube    | 15 kWh                             |

TL5 Essential HE Super 80

